TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc

Bản án số 21 / 2022/HNGĐ -ST
Ngày 07/ 3/ 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM ,TỈNH BẮC GIANG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chấn, bà Nguyễn Thị Hoan.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngọ Thị Thanh Hà -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên

Ngày 07/ 3/ 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/ 2022/TLST-HNGĐ ngày 21/ 01/ 2022, v/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình,

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/ 2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 23/ 02/ 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H - Sinh năm 1983(Có mặt).

Nơi cư trú: Thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N - Sinh năm 1986(Có mặt).

HKTT: Thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở : Thôn X, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Không.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là anh NguyễnVăn H trình bày : Anh H và chị N tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện L năm 2008. Sau đó vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến khoảng năm 2017 thì mâu thuẫn do không hợp nhau, vợ chồng hay cãi nhau; đặc biệt chị N hay chửi mẹ và họ hàng anh H nên vợ chồng ly thân từ khoảng năm 2019 đến nay. Từ khi ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau, bỏ mặc nhau mỗi người sống một nơi,; anh H sống ở thôn M, chị N sống ở thôn X, xã C. Nay anh H thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn chị N .

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc Á- Sinh năm 2009 và Nguyễn Đan H1 - Sinh năm 2012, sinh sống từ nhỏ cùng anh H: Anh H yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Anh H hiện có nhà đất và làm nghề sửa xe ở thôn M, thu nhập khoảng 20.000.000 đồng / tháng,đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, công sức và các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

***** Bị đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày*:* Chị N và anh H tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện L năm 2008. Sau đó vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến khoảng năm 2017 thì mâu thuẫn do không hợp nhau, vợ chồng hay đánh cãi nhau; chị N cũng xô xát với mẹ và em gái anh H nên vợ chồng ly thân từ khoảng năm 2019 đến nay.Từ khi ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau, bỏ mặc nhau mỗi người sống một nơi, tuy nhiên nay không còn xô xát nữa. Nay chị N thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh H yêu cầu ly hôn thì chị N không đồng ý mà đề nghị đoàn tụ vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc Á- Sinh năm 2009 và Nguyễn Đan H1 - Sinh năm 2012. Trường hợp anh H vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn thì chị N yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung.Tuy nhiên hiện nay chị N không có nghề nghiệp gì, không có nhà đất, sinh sống nhờ vào bố mẹ ruột ở thôn X, xã C.

Về tài sản chung, công sức và các vấn đề khác: Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 25/ 01/ 2022, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa chị N yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa, con chung của anh H và chị N là cháu Nguyễn Thị Ngọc Á và Nguyễn Đan H1 đều trình bày đang sinh sống và học tập ổn định cùng anh H và ông bà nội nên đều có nguyện vọng được tiếp tục sinh sống cùng anh H, không đồng ý sinh sống với chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát ; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Về nội dung yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

[1.1]. Quan hệ hôn nhân : Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị N có đủ điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện L nên là hôn nhân hợp pháp. Do vậy yêu cầu khởi kiện của anh H là có căn cứ cần xem xét giải quyết theo Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Anh H và chị N đều trình bày mâu thuẫn vợ chồng do không hợp nhau; đặc biệt chị N có chửi anh H và mẹ anh H nên vợ chồng ly thân từ

khoảng năm 2019 đến nay. Từ khi ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau, bỏ mặc nhau mỗi người sống một nơi, anh Họa sinh sống ở thôn M, chị N sinh sống ở thôn X, xã C. Tại quá trình tố tụng, hòa giải và tại phiên tòa hôm nay anh H vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn, không đồng ý đoàn tụ vợ chồng với chị N. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H .

[1.2]. Về con chung: Anh H và chị N có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc Á- Sinh năm 2009 và Nguyễn Đan H1 - Sinh năm 2012, hiện đang sinh sống cùng anh H , học tập phát triển khỏe mạnh bình thường. Anh H và chị N đều yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên Hội đồng xét xử nhận định: Các con chung đang sinh sống, học tập ổn định cùng anh H và đều có nguyện vọng tiếp tục sinh sống với anh H, không đồng ý sinh sống cùng chị N; đồng thời anh H có việc làm, thu nhập, nhà đất đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung, chị N không có việc làm, không có nhà đất phải sinh sống nhờ bố mẹ ruột, không có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Do vậy để đảm bảo cuộc sống ổn định và sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần của các con chung cần giao anh H tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Thị Ngọc Á và Nguyễn Đan H1 là phù hợp với quy định pháp luật và đạo đức xã hội, đảm bảo quyền lợi chính đáng của các con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không yêu cầu nên chị Nga không phải cấp dưỡng nuôi con chung..

[1.3].Về tài sản chung, nợ, công sức và các vấn đề khác : Anh H không yêu cầu nên không giải quyết. Tại bản tự khai và phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, chị N không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ, công sức và các vấn đề khác, do vậy tại phiên tòa chị N yêu cầu về chia tài sản chung thì Hội đồng xét xử không chấp nhận giải quyết theo quy định tại các Điều 199, 200 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc thực hiện Bộ luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành luật pháp của những người tham gia tố tụng, việc tiến hành thu thập chứng cứ và kiểm tra các chứng cứ đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Đề nghị căn cứ các Điều 51,56 và 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 ; Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14, ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử :

Quan hệ hôn nhân : Anh H được ly hôn chị N.

Về con chung: Giao anh H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc Á- Sinh năm 2009 và Nguyễn Đan H1 - Sinh năm 2012 .Về cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết.

Tài sản chung, nợ , công sức: Không giải quyết.

Án phí sơ thẩm : Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Căn cứ nội dung trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58 và 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình; các Điều 147, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14, ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; xử :

1.Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị N

2.Về con chung: Giao anh H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc Á- Sinh năm 2009 và Nguyễn Đan H1 - Sinh năm 2012. Chị N có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con : Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3.Về tài sản chung, nợ , công sức và các vấn đề khác: Không giải quyết.

4.Án phí sơ thẩm: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0013509 ngày 21/ 01/ 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

5. Anh H và chị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA**

Nguyễn Thị Hoan Nguyễn Văn Chấn **Nguyễn Văn Kiên**